

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 358/2023/DSPT

Ngày: 30-6-2023

V/v tranh chấp

Yêu cầu hủy di chúc

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Vân

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Thanh Triều;

Ông Võ Ngọc Giàu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Yêu cầu hủy di chúc”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 354/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXX-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã T, C, Tiền Giang.

- Bị đơn: Ngô Thị K, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, TP M, Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965 (có mặt);

Hiện ngụ: 4/5, Phan Thanh G, phường 3, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

2. Ngô Văn Đ1, sinh năm 1962 (xin vắng mặt);

3. Ngô Văn R, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp G, xã T, C, Tiền Giang.

4. Ngô Thị H1, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: ấp K, xã T, C, Tiền Giang.

5. Ngô Thị Đ2, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: ấp G, xã T, C, Tiền Giang.

6. Nguyễn Thị E, sinh năm 1975 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 3, xã Trung An, TP Mỹ Tho, Tiền Giang  
 7. Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);  
 8. Võ Thị T, sinh năm 2009 (xin vắng mặt);  
 Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, C, Tiền Giang.

9. Văn phòng C1 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, C, Tiền Giang

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Thanh P-Trưởng văn phòng.

- Người làm chứng: Nguyễn Thanh B, sinh năm 1923;

Địa chỉ: ấp G, xã T, C, Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Thị K.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo án sơ thẩm;

- Nguyên đơn bà H trình bày: Thừa đất 541 diện tích 3.074,1m<sup>2</sup>, thửa 543 diện tích 2.110,2m<sup>2</sup> và thửa 545 diện tích 1.073,6m<sup>2</sup>, đều thuộc tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc ấp G, xã T, C, Tiền Giang là của cha bà là ông Ngô Văn Lê .

Vào ngày 21/01/2011 ông L có lập tờ di ngôn để lại 03 thửa đất này cho 06 người con gồm Ngô Thị H, Nguyễn Thị Đ, Ngô Thị H1, Ngô Thị Đ2, Ngô Thị K và Nguyễn Thị E. Năm 2017 ông Lê c, năm 2019 bà K1 chết. Sau khi ông Lê c thì chị K lên lúc đi kê khai hưởng thừa kế 03 thửa đất nêu trên.

Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc lập ngày 17/7/2015 do ông Lê l vô hiệu. Lý do, ông L đã lập di ngôn để lại 03 thửa đất này cho 06 người con vào năm 2011, thời điểm lập di chúc ông L không còn minh mẫn.

- Bị đơn chị K trình bày: Chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H, lý do vào ngày 17/7/2015 ông L đã lập di chúc, để lại 03 thửa đất này cho chị và chị H1. Di chúc có công chứng và trước khi lập di chúc có xác nhận tình trạng tinh thần của ông L, ông Lê c1 minh mẫn.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chị Đ, chị H1, chị Em thống nhất như phần trình bày và yêu cầu của bà H.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số: 354/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang: Căn cứ Điều 109; 647; 649; 650; 652 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ vào Điều 26; Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H.

Hủy di chúc của ông Ngô Văn L1 lập vào ngày 17/7/2015, về việc để lại các thửa đất 541, 543 và 545 tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp G, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho chị H1, chị K.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

\* Ngày 12 tháng 9 năm 2022, bị đơn Ngô Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Ngô Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc do ông Ngô Văn L1 lập ngày 17/7/2015 là vô hiệu.

- Người kháng cáo bà Ngô Thị K giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Di sản thừa kế là tài sản chung của vợ chồng ông L1, bà K1 tuy nhiên khi làm di chúc ông Lê định đ luôn cả phần bà K1 là chưa phù hợp pháp luật. Về hình thức di chúc là phù hợp pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà K, sửa một phần bản án sơ thẩm số 354/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo hướng hủy một phần di chúc ông Ngô Văn L1 lập ngày 17/7/2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Ngô Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc do ông Ngô Văn L1 lập ngày 17/7/2015 là vô hiệu nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Tuyên bố di chúc vô hiệu” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Ngô Thị H với bị đơn bà Ngô Thị K là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo bà Ngô Thị K là đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị K Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

[4.1] Ngày 17/7/2015, ông Ngô Văn L1 có lập di chúc định đoạt 03 thửa đất đang tranh chấp cho 02 con là Ngô Thị H1 và Ngô Thị K. Phía nguyên đơn cho rằng di chúc trên của ông Lê l1 vô hiệu do ông L1 lớn tuổi không còn minh mẫn và đất cấp cho hộ nhưng chỉ có mình ông Lê l di chúc là không đúng. Phía bị đơn cho rằng lúc lập di chúc có đi kiểm tra tâm thần có xác nhận của bệnh viện theo quy định. Đất này là của cá nhân ông L1 được ông bà nội cho tặng riêng. Năm 2001 ông L1 cho con là Lê Văn Đ3 mượn 03 thửa đất này để canh tác sau đó không chịu trả, nên năm 2015 ông L1 có kiện Lê Văn Đ3 ra tòa và được tòa tuyên

buộc Lê Văn Đ3 phải trả lại cho ông Lê t bản án số 159/2015/DSPT Ngày 09/4/2015 của TAND tỉnh Tiền Giang. Nhận xét ý kiến các bên:

-Theo nguyên đơn trình bày “Thửa đất 541 diện tích 3.074,1m<sup>2</sup>, thửa 543 diện tích 2.110,2m<sup>2</sup> và thửa 545 diện tích 1.073,6m<sup>2</sup>, đều thuộc tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc ấp G, xã T, C, Tiền Giang là của cha bà là ông Ngô Văn L1”; Tại đơn xin đăng ký kê khai QSDĐ ngày 14/4/1997 (bl 171) người đứng tên kê khai là cá nhân ông Ngô Văn L1 đi kê khai; Nguồn gốc phân đất tranh chấp được các bên xác định là của ông bà nội cho ông L1. Tuy nhiên khi cấp giấy lại cấp cho hộ ông L1 là chưa phù hợp. Bởi lẽ:

+ Thời điểm ông L1 được cấp giấy là ngày 22/6/2000 (bl 99). Thời điểm này luật Đất đai năm 1993 điều chỉnh. Theo luật này thì chủ thể sử dụng đất là hộ gia đình lần đầu tiên được đặt ra. Tuy nhiên trong luật chưa qui định rõ thế nào là hộ gia đình. Do đó phải đối chiếu BLDS để xác định.

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 BLDS năm 1995 (BLDS có hiệu lực tại thời điểm) thì “Những hộ gia đình mà các thành viên có tài sản chung để hoạt động kinh tế chung trong quan hệ sử dụng đất, trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và trong một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định, là chủ thể trong các quan hệ dân sự đó”. Như vậy theo quy định hộ gia đình phải có “tài sản chung” mới là chủ thể trong các quan hệ pháp luật dân sự.

+Theo quy định tại Điều 118 về tài sản chung của hộ thì “Tài sản chung của hộ gia đình gồm tài sản do các thành viên cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung và các tài sản khác mà các thành viên thỏa thuận là tài sản chung của hộ. Quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ gia đình cũng là tài sản chung của hộ”.

\* Như vậy, theo các quy định trên và đối chiếu nội dung tranh chấp trong vụ kiện này, HĐXX nhận thấy không có việc tặng cho chung cho các thành viên trong hộ, cũng không có thỏa thuận đất này là tài sản chung của hộ, cũng không là quyền sử dụng đất hộ được giao cấp hay nhận chuyển nhượng chung cho hộ. Do đó đất này là của ông Lê n phía nguyên đơn xác định là phù hợp. Tuy nhiên vợ chồng ông Lê kết h thời điểm luật hôn nhân năm 1959 có hiệu lực nên QSDĐ này phải xác định là tài sản chung của vợ chồng ông L1, bà K1 mới chính xác (ông Ngô Văn Lê s 1931 chết 17/01/2017; bà Nguyễn Thị K2 sinh năm 1933 chết 21/01/2019).

- Theo giấy chứng nhận QSDĐ số 2357 và 00804 cùng ngày 22/6/2000 thì hộ ông L1 được cấp tổng cộng 38.002 m<sup>2</sup>. Ngoài ra, theo công văn số 766/CV-BQLDA&PTQĐ ngày 22/5/2023 của Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện C thì ông Lê c1 một thửa 542 diện tích 5.965,8 m<sup>2</sup> chưa được cấp giấy. Như vậy tổng diện tích ông Lê c2 là 43.967,8 m<sup>2</sup>. Ngày 15/12/2014 tặng cho bà Ngô Thị Đ2 19.395,5 m<sup>2</sup> (bl 132 – 170); ngày 14/11/2011 tặng cho ông Ngô Văn R 5.159 m<sup>2</sup>. Tổng cộng là 24.554,5 m<sup>2</sup>. Như vậy trước khi chết ông L1 còn đứng tên trên giấy diện tích là 19.422,3 m<sup>2</sup> bao gồm các thửa: 431, 436, 541, 543, 433, 437, 536, 542, 535, 555, và thửa 545. Cũng theo công văn số 766/CV-BQLDA &PTQĐ ngày 22/5/2023 của Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện C cung cấp thì sau khi ông Lê c, UBND huyện C có thu hồi của ông một phần diện tích để thực hiện dự án cao tốc T - M. Qua đo đạc xác minh thực tế thì các thửa bị ảnh hưởng gồm: 431, 436, 541, 543, 433, 437 (thửa mới 1909), 536 và thửa

542. Trong đó tổng diện tích bị thu hồi theo đo đạc là 6.095,6 m<sup>2</sup>. Số diện tích còn lại của các thửa trên là 11.313,9 m<sup>2</sup>. Ngoài ra ông Lê c1 03 thửa không bị ảnh hưởng bởi dự án cao tốc T - M là thửa 555 diện tích 155,6 m<sup>2</sup>, thửa 535 diện tích 267,7 m<sup>2</sup>, thửa 545 diện tích 1.149 m<sup>2</sup>. Như vậy sau khi thu hồi đất ông Lê c1 đứng tên tổng diện tích là 12.886,2 m<sup>2</sup> (11.313,9 m<sup>2</sup> + 155,6 m<sup>2</sup> + 267,7 m<sup>2</sup> + 1.149 m<sup>2</sup>). Do đây là tài sản chung vợ chồng nên ông L1 có quyền định đoạt  $\frac{1}{2}$  diện tích đất này là 6.443,1 m<sup>2</sup> (12.886,2 m<sup>2</sup> /2).

- Theo tờ di chúc lập ngày 17/7/2015 tại Văn phòng C2 thì ông L1 để lại cho 02 con Ngô Thị H1 và Ngô Thị K hưởng 6.257,9 m<sup>2</sup> (bl 107) là thấp hơn phần mà ông L1 có quyền định đoạt.

- Khi lập di chúc này ông Lê hoàn t1 minh mẫn theo giấy khám sức khỏe tâm thần số 1010/2015 ngày 06/7/2015 của Bệnh viện tâm thần tỉnh T. Cấp sơ thẩm cũng xác định di chúc của ông L1 là hợp pháp về hình thức.

\* Như vậy ông Lê l di chúc cho bà Ngô Thị H1 và Ngô Thị K hưởng 6.257,9 m<sup>2</sup> là thấp hơn phần diện tích mà ông L1 có quyền định đoạt là 6.443,1 m<sup>2</sup>. Di chúc của ông L1 là hợp pháp về hình thức. Từ các căn cứ trên cho thấy cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp pháp luật. Kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về ý kiến của nguyên đơn và các ông bà Nguyễn Thị Đ, Ngô Thị H1, và Ngô Thị Đ2 cho rằng thời điểm năm 2013 đến 2014 cha các bà bị bệnh tai biến nằm liệt giường cho đến khi chết nên không thể đến Văn phòng công chứng làm di chúc cho bà K, bà H1 được. Xét ý kiến này của các bà là không có cơ sở bởi lẽ theo các tài liệu có trong hồ sơ (các hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa ông Lê với bà Đ2) thể hiện thời điểm ngày 15/12/2014 ông L1 vẫn còn minh mẫn và làm hợp đồng tặng cho bà Đ2 tổng cộng 19.395,5 m<sup>2</sup> nên bác lời khai nại này. Hồ sơ thể hiện ông L1 có khám sức khỏe tại cơ sở y khoa xác định tình trạng tâm thần trước khi làm di chúc và tại phiên tòa phúc thẩm các bà Ngô Thị H, Ngô Thị Đ4, Ngô Thị H1, và Ngô Thị Đ2 cũng không đồng ý giám định dấu vân tay ông Lê t2 di chúc nên ý kiến các bà cho rằng di chúc không hợp pháp là không có căn cứ nên bác.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang chỉ có căn cứ một phần và đã được HĐXX cân nhắc xem xét khi nghị án.

[6] Về án phí: bà Ngô Thị K không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 635; 636, 643 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị K, sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 354/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc do ông Ngô Văn L1 lập ngày 17/7/2015 là vô hiệu.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị K không phải chịu án phí phúc thẩm. H2 lại bà K 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0020896 ngày 12/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ngô Thị H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Vân**